

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 90/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lệ Thương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Thu Yến**.

2. Ông **Nguyễn Văn Long**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Phạm Nhật Minh** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang:* Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lưu Thị Hà T**, sinh năm 1986 (Có mặt).

- Địa chỉ: Số 23/5 đường B, phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Chỗ ở hiện nay: 158/12 đường N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành D**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

- Địa chỉ: Số 23/5 đường B, phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lưu Thị Hà T trình bày: Do quen biết chị và anh Nguyễn Thành D tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng và tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2007 tại UBND phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/6/2008 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/02/2012. Hiện các con đang sống với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh D; yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với anh Nguyễn Thành D, Tòa án nhân dân thành phố M đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng anh D không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của chị T và vắng mặt không lý do.

- Ý kiến Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa Thẩm phán thực hiện đúng quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phần trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tranh chấp giữa chị Lưu Thị Hà T và anh Nguyễn Thành D là tranh chấp “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử, nhưng anh D vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh D.

[4] Tại phiên tòa, chị T yêu cầu xin ly hôn với anh D; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh D có đăng ký kết hôn và được UBND phường M, thành phố M cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, quyển số 1, ngày 09/02/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ khi khi thân đến nay, chị T và anh D không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, xét thấy mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên Tòa hôm nay anh D vắng mặt không lý do, cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh D là có cơ sở phù hợp với qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/6/2008 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/02/2012. Xét thấy, từ khi sinh ra và lớn lên cháu K và cháu T đang sống với chị T, để đảm bảo ổn định tâm lý của các cháu cũng như nguyện vọng của cháu K tại Bản tự khai ngày 05/6/2017 là mong muốn sống với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K, cháu T cho chị T nuôi dưỡng theo qui định tại Điều 58 Luật hôn nhân và Gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến Viện kiểm sát: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị T, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, đề nghị Tòa ghi nhận, về tài sản chung và nợ chung, không có không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Hà T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị Hà T và anh Nguyễn Thành D.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/6/2008 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11/02/2012 cho chị Lưu Thị Hà T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Anh Nguyễn Thành D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thành D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lưu Thị Hà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 32002 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, nên xem như đã nộp xong án phí.

Chị Lưu Thị Hà T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nơi anh Nguyễn Thành D cư trú).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Thành phố M;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP M;
- UBND phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang..
- Các đương sự:
 - + Lưu Thị Hà T;
 - + Nguyễn Thành D;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lệ Thương